

## BẢNG THỐNG KÊ CÁC VỊ TRÍ NGUY HIỂM TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Kèm theo Thông báo số 539/TB-CCĐTNDI ngày 30/9/2022 của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực I)

ST T	Tên	Phạm vi, chiều dài (m)	Lý do tiềm ẩn nguy hiểm - hiện trạng	Vị trí		Phân loại (điểm tiềm ẩn TNGT, điểm đen)
				Sông, kênh	Lý trình đường thủy (Km...+... )	
1	2	3	4	5	6	18
<b>I CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 1 BẢO TRÌ</b>						
<b>A Sông Lô</b>						
1	Km 11- km 11+700	700	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Lô	Km 11	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Km 45-km 46	1000	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Lô	Km 45 ÷ Km 46	Điểm tiềm ẩn TNGT
3	Cụm cầu Việt Trì - Hạc Trì	700	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT - Dòng chảy xiết, xoáy	Lô	Km 2 ÷ Km 2+700	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
4	Km5-km6	1000	Bãi cạn. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	Km5 ÷ Km6	Điểm tiềm ẩn TNGT
5	Km15-km15+800	800	Bãi đá ngầm. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	15-15+800	Điểm tiềm ẩn TNGT
6	Km17-km18+000	1000	Bãi đá ngầm. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	17-18	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Bãi Lạn km30	500	Bãi đá ngầm. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	30	Điểm tiềm ẩn TNGT
8	Khu vực km41-km41+500	500	Dải đá ngầm. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	41-41+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
9	Km107+200 - - km111	4200	Bãi cạn. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Lô	107+200-111	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B</b>	<b>Sông Hồng</b>					
10	Km254-km256	2000	- Bãi cạn: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Hồng	Km 254 ÷ 256	Điểm tiềm ẩn TNGT
11	Km257-km257+800	800	Bãi cạn. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Hồng	257-257+800	Điểm tiềm ẩn TNGT
12	Km261+700--km266+000	5300	Bãi cạn. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Hồng	261+700-266	Điểm tiềm ẩn TNGT
13	Bãi Vật Lợn km359+000	1000	Bãi cạn. Không đảm bảo chuẩn tắc về H, B, R; mật độ phương tiện cao	Hồng	24-Dec	Điểm tiềm ẩn TNGT
14	Km260-km261	1000	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Hồng	260-261	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>II</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 2 BẢO TRÌ</b>					
<b>A</b>	<b>Sông Hồng</b>					

1	2	3	4	5	6	18
1	Cầu Yên Lệnh		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Hồng	Km 115	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Cầu Tân Đệ		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Hồng	Km75	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B Sông Luộc</b>						
3	Cầu Triều Dương		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật; Dòng chảy xiên so với trụ cầu	Sông Luộc	Km 64	Điểm tiềm ẩn TNGT
4	Cầu Hiệp		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật; Dòng chảy xiên so với trụ cầu	Sông Luộc	Km33	Điểm tiềm ẩn TNGT
5	Cầu Quý Cao		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Luộc	Km 0,5	Điểm tiềm ẩn TNGT
6	Ngã ba Cửa Luộc		Khu vực giao cắt giữa các tuyến đường thủy nội địa, cua cong gấp, mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn	Sông Hồng , sông Luộc	Sông Hồng Km 100 ;Sông Luộc Km 72	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Đoạn cạn km 57 - Sông Luộc	250	kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định chiều sâu, bề rộng, mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn	Sông Luộc	Km 57	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C Sông Trà Lý</b>						
8	Cầu Hòa Bình		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Trà Lý	Km45	Điểm tiềm ẩn TNGT
9	Cầu Thái Bình		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Trà Lý	Km42,8	Điểm tiềm ẩn TNGT
10	Cầu Bo		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật; Dòng chảy xiên so với trụ cầu	Sông Trà Lý	Km42	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
11	Cầu Trà Lý		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Trà Lý	Km 15,5	Điểm tiềm ẩn TNGT
12	Ngã ba Phạm Lỗ		Khu vực giao cắt giữa các tuyến đường thủy nội địa, cua cong gấp, mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn	sông Hồng - sông Trà Lý	sông Hồng Km 87; sông Trà Lý Km70	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>D Sông Hóa</b>						
13	Cầu Nghìn		Tĩnh không không đảm bảo theo cấp kỹ thuật	Sông Hóa	Km 26,5	Điểm tiềm ẩn TNGT
14	Ngã ba Chanh		Khu vực giao cắt giữa các tuyến đường thủy nội địa, cua cong gấp, mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn	sông Luộc - sông Hóa	sông Luộc Km20 ; sông Hóa Km36,5....	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>III CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 3 BẢO TRÌ</b>						
<b>A Sông Chanh</b>						
1	Luồng qua khu vực KTT cầu Chanh	1300	Luồng có hai đoạn cong liên tục, bán kính cong không đảm bảo dòng chảy xiên so với trụ cầu, KTT, có đoạn chiều dài 240m khuất hẹp không đảm bảo kích thước đường thủy theo phân cấp kỹ thuật. Các bãi đá ngầm, bãi cạn, đoạn cạn và vật chướng ngại.	sông Chanh	Từ Km3+600 đến Km 4+900	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B Vịnh Hạ Long</b>						

1	2	3	4	5	6	18
2	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng Hàng hải và luồng ĐTND địa phương	3000	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	Vịnh Hạ Long	Từ km 3+00 đến Km 6	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C</b>	<b>Ba Mom</b>					
3	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng ĐTND địa phương, luồng chuyên dùng	2000	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	Luồng Ba Mom	Từ Km 0+00 đến Km 2+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>D</b>	<b>Lạch sâu</b>					
4	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng ĐTND du lịch địa phương	2500	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	luồng Lạch Sâu	Km 6+600 đến Km 8+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
5	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng ĐTND du lịch địa phương	1000	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	luồng Lạch Sâu	Km 10+00 đến Km11+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>E</b>	<b>Lạch Ngăn</b>					

1	2	3	4	5	6	18
6	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng ĐTND du lịch địa phương	1500	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	luồng Lạch Ngăn	Km 6+00 đến Km 7+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Điểm giao cắt giữa luồng ĐTND quốc gia với luồng ĐTND du lịch địa phương	1500	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	luồng Lạch Ngăn	Km 12+00 đến Km13+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>F</b>	<b>Tài Xá-Mũi Chùa</b>					
8	khu vực cầu Cẩm Hải	1000	Dòng chảy xiết, soáy, tầm nhìn hạn chế, dòng chảy xiên so với trụ cầu, KTT	luồng Tài Xá-Mũi Chùa	Từ Km6+500 đến Km 7+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
9	khu vực Hòn Gạc	10000	luồng hạn chế tại các bãi đá ngầm, bãi cạn	luồng Tài Xá-Mũi Chùa	Từ Km10+00 0 đến Km 21+000	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>G</b>	<b>Vân Đồn-Cô Tô</b>					
10	Điểm giao cắt giữa 02 luồng ĐTND quốc gia	1000	Điểm giao cắt, tầm nhìn hạn chế; lưu lượng phương tiện lớn	Cái Ròng-Cô Tô	Từ km 1+00 đến Km 2+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
11	Khu vực Cửa Hẹp	2000	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong)phương tiện chở khách lưu thông lớn	Cái Ròng-Cô Tô	Km8+00 đến Km10+00	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
<b>H</b>	<b>Sông Móng Cái</b>					
12	Điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, khu vực từ cảng Núi Đò đến cảng thác Hàn	1000	Luồng hạn chế tại các bãi đá ngầm, bãi cạn	Sông Móng Cái	Từ km 6+00 đến Km 17+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>IV</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊ SỐ 4 BẢO TRÌ</b>					
<b>A</b>	<b>sông Đuống</b>					
1	Kè thời Á Lữ	200	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Đuống	36+00 đến 36+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Cầu Hồ	1000	"- Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng tại vị trí cầu nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. - Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT '- Luồng cong của nguy hiểm, nước chảy xiết	Sông Đuống	31+00 đến 31+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B</b>	<b>sông Thái Bình</b>					
3	Bãi đá ngầm Phao Tân	30	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Thái Bình	98+00 đến 98+30	Điểm tiềm ẩn TNGT
4	Cầu đường sắt Phả Lại	600	- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT - Cầu đường sắt chưa có báo hiệu	Sông Thái Bình	98+00 đến 98+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C</b>	<b>sông Cầu</b>					

1	2	3	4	5	6	18
5	Bãi đá ngầm Thịnh Lai	20	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	2+500 đến 2+520	Điểm tiềm ẩn TNGT
6	Bãi đá ngầm Phù Lãng	20	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	6+500 đến 6+520	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Mố trụ cầu cũ Trung Quốc	15	"- Chiều rộng luồng bị hạn chế (VCN ở trong khoang thông thuyền '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	37+00 đến 37+010	Điểm tiềm ẩn TNGT
8	Bãi đá ngầm Đá Vang	200	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	52+00 đến 52+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
9	Bãi cạn Đông Xuyên	300	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	63+00 đến 63+300	Điểm tiềm ẩn TNGT
10	Bãi đá ngầm Phú Cốc	200	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	91+600đế n 91+800	Điểm tiềm ẩn TNGT



1	2	3	4	5	6	18
11	Bãi đá ngầm Chã	200	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	sông Cầu	97+400đến n 97+600	Điểm tiềm ẩn TNGT
12	Ngã 3 Thiếp		Khu vực giao cắt giữa các tuyến đường thủy nội địa	Sông Cầu	46+00 đến 46+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
13	Cum cầu đường bộ, đường sắt Thị Cầu	500	"- Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng tại vị trí cầu nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. "- Hai cầu gần nhau có vật chướng ngại dưới khoang thông thuyền "- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Sông Cầu	35+600 đến 36+100	Điểm tiềm ẩn TNGT
14	Cầu Yên Dũng	300	- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT - Cầu đường sắt chưa có báo hiệu	Sông Cầu	18+00 đến 18+100	Điểm tiềm ẩn TNGT
D	<b>sông Công</b>					
15	Bãi cạn Hòa Bình	300	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Công	5+00 đến 5+300	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
16	Cụm cầu đường bộ, Đường Sắt Đa Phúc	1.500	"- Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng tại vị trí cầu nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. "- Hai cầu gần nhau, có vật chướng ngại dưới khoang thông thuyền "- Mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Sông Công	3+500 đến 5+000	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>E sông Thương</b>						
17	Bãi đá ngầm Đá Lác	200	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Thương	0+500 đến 0+700	Điểm tiềm ẩn TNGT
18	Bãi đá ngầm Cỏ Pháp	20	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Thương	6+00 đến 6+020	Điểm tiềm ẩn TNGT
19	Bãi cạn Đa Mai	100	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng, bán kính cong ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Thương	36+150 đến 36+250	Điểm tiềm ẩn TNGT
20	Cụm cầu đường bộ - đường sắt Bắc Giang	550	"- Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng tại vị trí cầu nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. "- Hai cầu gần nhau có vật chướng ngại dưới khoang thông thuyền "- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Sông Thương	35+600 đến 36+150	Điểm tiềm ẩn TNGT
21	Cầu Bến Tuần	300	- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT - Cầu đường sắt chưa có báo hiệu đầy đủ	Sông Thương	52+000 đến 50+300	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
<b>F</b>	<b>sông Lục Nam</b>					
22	Bãi cạn Dầm	200	"- Chiều rộng chiều sâu luồng bị hạn chế '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Lục Nam	14+00 đến 14+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
23	Bãi đá ngầm Bến Khám	300	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Lục Nam	21+500đế n 21+800	Điểm tiềm ẩn TNGT
24	Bãi đá ngầm Làng Lợ	300	- Bãi đá ngầm: Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định (chiều sâu, bề rộng ) '- Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT	Lục Nam	26+300đế n 26+600	Điểm tiềm ẩn TNGT
25	Cầu Cẩm Lý	20	"- Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng tại vị trí cầu nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. - Chủng loại PT lớn lưu thông dẫn đến nguy cơ tiềm ẩn TNGT, có cọc sắt ở 2 móng,	Lục Nam	12+00đến 12+010	Điểm tiềm ẩn TNGT
26	Cầu phao Tòng Lệnh	100	Khi mở cầu Phao chiều rộng luồng bị hạn chế	Sông Lục Nam	32+00 đến 32+010	Điểm tiềm ẩn TNGT
27	Cầu phao Kim	100	Khi mở cầu Phao chiều rộng luồng bị hạn chế	Sông Lục Nam	43+00 đến 43+010	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>V</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 5 BẢO TRÌ</b>					
<b>A</b>	<b>Kênh Quần Liêu</b>					
1	Cầu Bê Tông		Tĩnh không hạn chế, chiều rộng luồng hạn chế, chiều sâu hạn chế, hạ lưu là khúc cua có bán kính nhỏ	Kênh Quần Liêu	Km 1+500	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
2	Cầu dân sinh 1		Tĩnh không hạn chế, chiều rộng luồng hạn chế, chiều sâu hạn chế	Kênh Quản Liêu	km2+300	Điểm tiềm ẩn TNGT
3	Cầu dân sinh 2		Tĩnh không hạn chế, chiều rộng luồng hạn chế, chiều sâu hạn chế	Kênh Quản Liêu	km2+900	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B</b>	<b>Sông Đào Nam Định</b>					
4	Khu vực cầu Tân Phong	1000	Dòng nước chảy xiên từ bờ trái sang bờ phải về mùa lũ xuất hiện xiết, xoáy, tầm nhìn hạn chế	Đào Nam Định	31+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
5	Khu vực Ngã ba Hưng Long	1000	Khu vực giao cắt giữa các tuyến đường thủy nội địa Kích thước luồng bị hạn chế, bán kính nhỏ, tầm nhìn bị hạn chế	Đào Nam Định	33+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C</b>	<b>Sông Đáy</b>					
6	Cầu Đoan Vĩ		Khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không, chiều rộng vị trí cầu nhỏ hơn cấp kỹ thuật tương ứng theo quy định. Thượng, hạ lưu cầu luồng cong cua, bán kính cong không đảm bảo	Đáy	92+700	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Bãi cạn Cửa Đáy	1000	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng	Sông Đáy	Km 1+00 đến Km2+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
8	Bãi đá ngầm ( Trung	70	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng	Sông Đáy	94+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
9	Đường đá (Nam Côn	5	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng	Sông Đáy	104+700	Điểm tiềm ẩn TNGT
10	Núi đá ngầm ( Tháp	20	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng	Sông Đáy	110+300	Điểm tiềm ẩn TNGT
11	Bãi đá ngầm ( Vạn T	10	Kích thước luồng thực tế nhỏ hơn trị số tối thiểu của cấp kỹ thuật tương ứng	Sông Đáy	160+700	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>D</b>	<b>Sông Ninh Cơ</b>					

1	2	3	4	5	6	18
12	Ngã ba Mom Rô	700	Luồng hẹp các phương tiện bị mất tầm nhìn do chổ cong cua có bán kính nhỏ, mật độ phương tiện cao, chủng loại PT lớn lưu thông	Ninh Cơ	61	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>E Sông Vạc</b>						
13	Cầu Trì Chính		Tĩnh không hạn chế, chiều rộng luồng hạn chế, chiều sâu hạn chế, hạ lưu là khúc cua có bán kính nhỏ	Vạc	6+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>F Yên Mô</b>						
14	Cầu Con Đeo		Tĩnh không hạn chế, chiều rộng luồng hạn chế, chiều sâu hạn chế, hạ lưu là khúc cua có bán kính nhỏ	Yên Mô	6+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>VI CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 6 BẢO TRÌ</b>						
<b>A Sông Hồng</b>						
1	Cầu Long Biên	2290	Khoang thông thuyền hẹp, tĩnh không thấp	Hồng	183	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Trụ chống va cầu Long Biên bị đổ	15	chưa được thanh thải là VCN nguy hiểm cho phương tiện thủy qua lại	Hồng	183	Điểm tiềm ẩn TNGT
3	Tàu cuốc đắm	20	chưa được thanh thải là VCN nguy hiểm cho phương tiện thủy qua lại	Hồng	231,5	Điểm tiềm ẩn TNGT
4	Bãi đá ngầm Phú Thượng	15	Làm hẹp luồng chạy tàu	Hồng	193	Điểm tiềm ẩn TNGT
5	Bãi đá ngầm Hải Bôi	10	Làm hẹp luồng chạy tàu	Hồng	194	Điểm tiềm ẩn TNGT
6	Bãi đá ngầm Tứ Liên	15	Làm hẹp luồng chạy tàu	Hồng	189,8	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Bãi cạn Cao Đại	2000	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	248	Điểm tiềm ẩn TNGT
8	Bãi cạn Vĩnh Thịnh - Đường Lâm	1000	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	236	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
9	Bãi cạn Xuân Đình - Đại Tự	1000	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	228	Điểm tiềm ẩn TNGT
10	Bãi cạn Vân Nam - Trung Hà	800	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	223	Điểm tiềm ẩn TNGT
11	Bãi cạn Tiến Thịnh - Thọ An	800	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	215	Điểm tiềm ẩn TNGT
12	Bãi cạn Phú Thượng	400	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	194	Điểm tiềm ẩn TNGT
13	Bãi cạn Hải Bồi	600	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	194	Điểm tiềm ẩn TNGT
14	Bãi cạn Nhật Tân	300	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	190	Điểm tiềm ẩn TNGT
15	Bãi cạn Tứ Liên - Trung Hà	700	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	184	Điểm tiềm ẩn TNGT
16	Bãi cạn Bắc Biên - Yên Tân	300	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	185	Điểm tiềm ẩn TNGT
17	Bãi cạn Bác Cổ	600	Độ sâu không đảm bảo chuẩn tắc	Hồng	180	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B</b>	<b>Sông Đuống</b>					
18	Cầu Đuống	228	Khoang thông thuyền hẹp, tĩnh không thấp	Đuống	59	Điểm tiềm ẩn TNGT
19	Luồng chạy tàu khu vực Km 66-68	2000	Luồng sâu nước chảy xiết, có vùng nước xoáy	Đuống	66-68	Điểm tiềm ẩn TNGT
20	Bãi đá ngầm Mai Lâm	10	Làm hẹp luồng chạy tàu	Đuống	63	Điểm tiềm ẩn TNGT
21	Bãi đá ngầm Yên Viên	10	Làm hẹp luồng chạy tàu	Đuống	58,5	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
22	Bãi đá ngầm Cống Thôn	10	Làm hẹp luồng chạy tàu	Đuống	58	Điểm tiềm ẩn TNGT
23	Bãi đá ngầm Cỗ Bi 1	15	Làm hẹp luồng chạy tàu	Đuống	52,5	Điểm tiềm ẩn TNGT
24	Bãi đá ngầm Cỗ Bi 2	12	Làm hẹp luồng chạy tàu	Đuống	53,7	Điểm tiềm ẩn TNGT

**VII CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 7 BẢO TRÌ**

**A Sông Kinh Thầy**

1	Cầu Bình	250	Dòng nước chảy xiên, siết vào trụ cầu	Kinh Thầy	32+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Ngã 3 Kèo	Phạm vi ảnh hưởng 500m	Tầm nhìn hạn chế, dòng xiết, Phương tiện đâm đổ kè	Kinh Thầy	25+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
3	Khu vực cua cong km 19	Phạm vi ảnh hưởng 500m	Tầm nhìn hạn chế, dòng nước chảy xiết, PT va chạm với nhau gây tai nạn	Kinh Thầy	19+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
4	Bãi đá ngầm km 34	Phạm vi ảnh hưởng 39m	Dòng chảy xiên xiết, chiều rộng, chiều sâu luồng hạn chế	Kinh Thầy	34+000	Điểm tiềm ẩn TNGT

**B Sông Lai Vu**

5	Cầu Lai Vu Đường sắt	110	Tĩnh không cầu thấp, hai cầu gần nhau, trụ cầu chéo luồng	Lai Vu	21+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
6	Cầu Lai Vu Đường bộ	110	Tĩnh không cầu thấp, hai cầu gần nhau, trụ cầu chéo luồng	Lai Vu	21+600	Điểm tiềm ẩn TNGT

1	2	3	4	5	6	18
7	Kè Thối km 25	30m	Dòng chảy xiên xiết, chiều rộng, chiều sâu luồng hạn chế	Lai Vu	25+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
8	Bãi hầu km 16	30m	Dòng chảy xiên xiết, chiều rộng, chiều sâu luồng hạn chế	Lai Vu	16+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C Sông Thái Bình</b>						
9	Cầu Phú Lương đường sắt	L= 300m, B = 30m	Tĩnh không cầu thấp, khoang thông thuyền cầu hẹp	Thái Bình	69+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>D Sông Mạo Khê</b>						
10	Bãi đá km 2+500 bờ trái	25m	Dòng chảy xiên xiết, chiều rộng, chiều sâu luồng hạn chế	Mạo Khê	2+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
11	Bãi đá km 5+500 bờ phải	35m	Dòng chảy xiên xiết, chiều rộng, chiều sâu luồng hạn chế	Mạo Khê	5+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>VIII CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 8 BẢO TRÌ</b>						
<b>A Sông Đào Hạ Lý</b>						
1	Cầu Đường bộ Tam Bạc	200m	khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật	Sông Đào Hạ Lý	km1+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
2	Cầu Xe Hỏa	20m	khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật H tĩnh không = 3.2m; B thông thuyền = 27m	Sông Đào Hạ Lý	km1+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
3	Khối bê tông	5m	Chiều sâu không đảm bảo, bán kính cong nhỏ Cao độ điểm cao nhất +1.7	Sông Đào Hạ Lý	km02+00	Điểm tiềm ẩn TNGT



1	2	3	4	5	6	18
4	Bãi cạn	400m	Chiều sâu không đảm bảo Cao độ điểm cao nhất (từ +1.2 đến +1.5)	Sông Đào Hạ Lý	km 1+200 đến km1+600	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B Sông Lạch Tray</b>						
5	Bãi Cạn	300m	R<150m; cao độ đáy luồng không đảm bảo	Sông Lạch Tray	km 48+100 đến km48+40 0	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>c Sông Văn Úc</b>						
6	Cầu Tiên Cự	50m	khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật Dòng chảy xiên trụ cầu bờ phải	Sông Văn Úc	km43+50 0	Điểm tiềm ẩn TNGT
7	Bãi Cạn	1000m	Chiều sâu không đảm bảo Cao độ đáy luồng không đảm bảo	Sông Văn Úc	km3+500 đến km4+500	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C Sông Kênh Khê</b>						
8	Cầu sông Mới	20	khẩu độ khoang thông thuyền, chiều cao tĩnh không nhỏ hơn trị số thấp nhất của cấp kỹ thuật, dòng chảy xiết	sông Kênh Khê	km 20+00	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>IX CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 9 BẢO TRÌ</b>						
<b>A Sông Đà</b>						
1	Cầu Trung Hà	1500	Luồng xiên chéo so với trụ cầu; hướng dòng chảy đổ vào khu vực đá ngầm, vách núi, thười điểm xuất hiện về mùa lũ khi mực nước $\geq +9,5$ tại Sơn Đà	sông Đà	từ Km 3+300 đến Km 4+800	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>B Hồ Hòa Bình</b>						

1	2	3	4	5	6	18
2	Đoạn Tạ Khoa - Pa Vinh	6800	Luồng cong của nguy hiểm, hẹp; nhiều bãi cạn, ghenh thác; nhiều đá và gốc cây ngầm, tầm nhìn hạn chế; thời điểm xuất hiện khi mực nước $\leq +102,00$ tại Đồng Cao	Hồ Hòa Bình	Từ km 3+300 đến km 4+800	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>C Hồ Sơn La</b>						
3	Đoạn tuyến khu vực cầu Hang Tôm Mường Lay	2500	Luồng cong của với 04 đoạn liên tiếp, bán kính cong nhỏ dòng chảy xiết và hẹp, xuất hiện các Đảo đá ngầm; tầm nhìn bị hạn chế khi đi gần đến cầu thời điểm xuất hiện mực nước $\leq +200$ tại Mường La	Hồ thủy điện Sơn La	Từ km 153+700 đến km 156+200	Điểm tiềm ẩn TNGT
<b>D Hồ Lai Châu</b>						
4	Đoạn tuyến khu vực Pá Mô		Luồng qua khoang thông thuyền bị hạn chế khi mực nước $\leq + 291,5$ tỉnh không thông thuyền 3,5 m	Hồ thủy điện Lai Châu	10+200	Điểm tiềm ẩn TNGT